

Số: 03/2026/QĐST-LĐ

Hải Phòng, ngày 13 tháng 3 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
Về việc yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 – HẢI PHÒNG

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

- *Thẩm phán- Chủ tọa phiên họp:* Bà Đoàn Thị Thu Thúy.
- *Thư ký phiên họp:* Bà Đào Thị Toan - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 12 – Hải Phòng.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 - Hải Phòng tham gia phiên họp:* Bà Đỗ Thị Xoa - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12 – Hải Phòng mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 03/2026/TLST - LĐ ngày 25/02/2026 về việc Tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu theo Quyết định mở phiên họp số 02/2026/QĐST-VLĐ ngày 06/3/2026 gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu: Chị Vũ Thị T, sinh năm 1983, CCCD số 030183020396, cấp ngày 14/9/2024; Địa chỉ: Thôn V, xã Y, thành phố Hải Phòng.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

+ Chị Vũ Thị H, sinh năm 1981, CCCD số 030181009929, cấp ngày 20/4/2021; Địa chỉ: Thôn V, xã Y, thành phố Hải Phòng.

+ Công ty Đ; Địa chỉ: xã M, thành phố Hải Phòng; Người đại diện theo pháp luật: Ông HIROFUMI KANEKO – Tổng giám đốc.

+ Bảo hiểm xã hội cơ sở C; Địa chỉ: phường T, thành phố Hải Phòng.

+ Bảo hiểm xã hội cơ sở G; Địa chỉ: Số C phố P, Khu C, xã G, thành phố Hải Phòng.

Các đương sự đều vắng mặt tại phiên họp.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ

Tại đơn yêu cầu và trong quá trình giải quyết, người yêu cầu chị Vũ Thị T trình bày: Vào khoảng đầu năm 2008, chị đã cho chị Vũ Thị H mượn Chứng minh nhân dân (CMND) của mình số 141986141 để xin việc làm. Sau đó, chị H sử dụng CMND của chị để ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH Đ, địa chỉ ở khu công nghiệp T, từ khoảng tháng 03/2008 đến tháng 6/2010, công ty đã tham gia Bảo hiểm xã hội bắt buộc cho chị H số sổ bảo hiểm 3009009887 (thời gian đóng bảo hiểm 2 năm 4 tháng). Sau đó Công ty TNHH Đ đã chấm dứt Hợp đồng lao động với chị H. Ngày 18/10/2011 chị H đã được nhận tiền trợ cấp bảo hiểm xã hội 1 lần số tiền 4.210.920đ, theo Quyết định về việc hưởng trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần số 080541/QĐ-BHXH ngày 18/10/2011 của Bảo hiểm xã hội huyện C, tỉnh Hải Dương (nay là Bảo hiểm xã hội cơ sở C). Cũng cùng thời gian đó chị cũng sử dụng chứng minh nhân dân của mình để ký hợp đồng lao động và tham gia bảo hiểm xã hội tại Công ty TNHH H2, ở thị trấn G, huyện G, tỉnh Hải Dương, số sổ bảo hiểm 3008007705. Như vậy, hai sổ bảo hiểm xã hội: Sổ bảo hiểm số 3009009887 (Sổ đóng theo Chứng minh nhân dân của chị cho chị H mượn) và Sổ bảo hiểm xã hội số 3008007705 (Sổ của chị đóng) đều mang tên Vũ Thị T đã trùng thời gian đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 03/2008 đến hết tháng 06/2010. Do đó, chị yêu cầu Tòa án giải quyết tuyên bố vô hiệu Hợp đồng lao động giữa chị Vũ Thị H ký với Công ty TNHH Đ dưới danh nghĩa tên người lao động là Vũ Thị T với số sổ bảo hiểm xã hội 3009009887 và giải quyết hậu quả hợp đồng vô hiệu.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm:

Chị Vũ Thị H trình bày thống nhất với chị Vũ Thị T về việc chị mượn CMND của chị T để ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH Đ, chị trực tiếp làm việc tại Công ty TNHH Đ và được Công ty C theo quy định, còn cụ thể công ty đóng tiền bảo hiểm như thế nào đến nay chị không nhớ. Việc chị lấy hồ sơ tên Vũ Thị T để ký kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH Đ là không đúng nên chị nhất trí với các yêu cầu của chị T. Đề nghị Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động đứng tên Vũ Thị T nhưng do chị là Vũ Thị H ký với Công ty TNHH Đ vô hiệu và đề nghị Tòa án giải quyết hậu quả hợp đồng vô hiệu. Đối với tiền bảo hiểm nếu trường hợp hợp đồng lao động vô hiệu mà Bảo hiểm xã hội thoái thu chị đề nghị trả lại toàn bộ cho Công ty TNHH Đ, cá nhân chị không đòi hỏi và yêu cầu gì. Đối với số tiền trợ cấp bảo hiểm 1 lần chị đã được nhận là 4.210.920đ, theo Quyết định số 080541 ngày 18/10/2011 của Bảo hiểm

xã hội huyện C (nay là Bảo hiểm xã hội cơ sở G, thành phố Hải Phòng), chỉ đồng ý trả lại cho cơ quan bảo hiểm.

Công ty TNHH Đ trình bày: Về việc ký kết hợp đồng lao động giữa Công ty TNHH Đ với người lao động tên Vũ Thị T, sinh năm 1983, số sổ bảo hiểm 3009009887 vào năm 2008, theo quy định Công ty chỉ lưu giữ hợp đồng lao động và các tài liệu liên quan đến việc ký kết, thực hiện hợp đồng với người lao động trong thời hạn 5 năm, các hợp đồng quá hạn công ty sẽ tiêu hủy. Do đó hiện nay công ty không lưu giữ hợp đồng lao động để cung cấp cho Tòa án. Tuy nhiên căn cứ vào tài liệu mà người yêu cầu giao nộp cho Tòa án là Quyết định hưởng trợ cấp 1 lần, danh sách cá nhân hưởng 1 lần của chị T, Công ty xác định có việc ký hợp đồng lao động với người lao động ghi tên Vũ Thị T, các nội dung khác do không còn hồ sơ lưu giữ nên Công ty không xác định và cung cấp cho Tòa án được. Chị T yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu, Công ty đề nghị Tòa án căn cứ quy định của pháp luật để giải quyết. Đối với số tiền bảo hiểm công ty đóng cho người lao động đến nay do không còn hồ sơ nên Công ty không có cơ sở xác định chi tiết, trường hợp Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu đối với số tiền bảo hiểm công ty đã nộp đề nghị giải quyết theo pháp luật. Do đặc thù công việc nên đại diện Công ty đề nghị được vắng mặt toàn bộ quá trình tố tụng và vắng mặt tại phiên họp.

Bảo hiểm xã hội cơ sở C trình bày: Căn cứ vào dữ liệu quản lý của cơ quan Bảo hiểm xã hội, chị Vũ Thị T, sinh ngày 16/9/1983, mã số bảo hiểm là 3009009887 có quá trình tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp tại Công ty TNHH Đ từ tháng 03/2008 đến 06/2010. Về nội dung chị T đề nghị tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu do chị T đã cho chị H mượn hồ sơ tư pháp để ký hợp đồng, vào làm việc và tham gia bảo hiểm xã hội tại Công ty TNHH Đ, Bảo hiểm xã hội có quan điểm như sau: Việc mượn hồ sơ để tham gia bảo hiểm xã hội là hành vi vi phạm pháp luật, đề nghị Tòa án căn cứ quy định của pháp luật hiện hành giải quyết theo thẩm quyền. Qua tra cứu thông tin thanh toán bảo hiểm xã hội 1 lần của chị T, sổ BHXH số 3009009887 thể hiện quá trình tham gia bảo hiểm nêu trên đã được giải quyết một lần theo Quyết định số 080541 ngày 18/10/2011 tại Bảo hiểm xã hội cơ sở G. Việc nêu quan điểm về thanh toán bảo hiểm xã hội 1 lần nêu trên thuộc thẩm quyền của Bảo hiểm xã hội cơ sở G. Sau khi có quyết định giải quyết Tòa án, căn cứ chức năng, nhiệm vụ tổ chức thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm xã hội cơ sở C sẽ thực hiện theo quy định. Trường hợp Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu,

yêu cầu thoái trả tiền đã thu bảo hiểm xã hội, số tiền thoái trả là 1.876.815đ (chỉ thực hiện thoái trả trong trường hợp đã xử lý xong việc giải quyết BHXH một lần, phục hồi quá trình tham gia). Do khối lượng công việc lớn nên không thể tham gia tố tụng tại phiên họp, đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt đại diện Bảo hiểm xã hội cơ sở C1

Bảo hiểm xã hội cơ sở G trình bày: Căn cứ vào dữ liệu quản lý của cơ quan Bảo hiểm xã hội, xác định chị Vũ Thị T, sinh ngày 16/9/1983, mã số bảo hiểm là 3009009887 đã được thanh toán và hưởng chế độ bảo hiểm xã hội 1 lần theo quyết định số 080541 ngày 18/10/2011 của Bảo hiểm xã hội huyện C (nay là Bảo hiểm xã hội cơ sở G), thời gian tham gia bảo hiểm là từ 03/2008 đến tháng 6/2010, số tiền được hưởng là 4.210.920đồng. Nếu hợp đồng lao động giữa bà T và Công ty TNHH Đ được Tòa án tuyên vô hiệu thì bà T phải có trách nhiệm đến cơ quan bảo hiểm xã hội cơ sở G nộp trả lại số tiền đã hưởng bảo hiểm xã hội 1 lần theo quyết định số 080541 ngày 18/10/2011. Bảo hiểm xã hội cơ sở G sẽ ban hành quyết định thu hồi và thực hiện nghiệp vụ theo đúng quy định hiện hành. Do khối lượng công việc lớn nên không thể tham gia tố tụng tại phiên họp, đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt đại diện Bảo hiểm xã hội cơ sở G.

Tại phiên họp:

Các đương sự đều vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát trình bày: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, thư ký trong quá trình thu thập chứng cứ, người tiến hành tố tụng tại phiên họp chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về đường lối giải quyết, đề nghị HĐXX: Áp dụng 370, 401, 402 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 122, 132, 137 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 9 Bộ luật Lao động năm 1994; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên bố hợp đồng lao động giữa Công ty TNHH Đ với chị Vũ Thị H ghi tên người lao động Vũ Thị T, số sổ bảo hiểm 3009009887 vô hiệu toàn bộ. Về giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu: Chị Vũ Thị H phải hoàn trả cho Bảo hiểm xã hội cơ sở G 4.210.920đồng. Bảo hiểm xã hội thành phố C phải thoái trả cho Công ty TNHH Đ 1.876.815đ. Về lệ phí: Buộc chị T phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân khu vực 12 – Hải Phòng nhận định:

[1] Về tố tụng và pháp luật áp dụng:

[1.1] Người yêu cầu, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người đại diện theo ủy quyền của đương sự được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt tại phiên họp và có văn bản đề nghị Tòa án tiến hành phiên họp vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 2, 3 Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành phiên họp vắng mặt những người nêu trên.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Công ty TNHH Đ có trụ sở tại Khu công nghiệp T, xã M, thành phố Hải Phòng nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 12 - Hải Phòng.

[1.3] Hợp đồng lao động được xác lập và thực hiện năm 2008 - 2010, nay phát sinh tranh chấp nên Tòa án áp dụng các quy định của Bộ luật Lao động năm 1994 được sửa đổi bổ sung năm 2002, 2006, 2007 và Bộ luật Dân sự năm 2005 để giải quyết.

[2] Về nội dung yêu cầu:

[2.1] Về yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu: Chị Vũ Thị T yêu cầu Tòa án tuyên bố vô hiệu Hợp đồng lao động giữa chị Vũ Thị H ký với Công ty TNHH Đ dưới danh nghĩa tên người lao động là Vũ Thị T, số sổ bảo hiểm 3009009887. Quá trình giải quyết người yêu cầu và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không xuất trình được hợp đồng lao động. Tuy nhiên căn cứ trình bày của người yêu cầu, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, sổ bảo hiểm xã hội số 3009009887, Quyết định về việc hưởng trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần số 080541/QĐ-BHXH ngày 18/10/2011. Có đủ cơ sở xác định giữa Công ty TNHH Đ và người lao động ghi tên Vũ Thị T đã ký kết, thực hiện hợp đồng lao động từ tháng 03/2008 -6/2010, số sổ bảo hiểm 3009009887. Lời khai của chị T, chị H xác định chị H sử dụng hồ sơ tư pháp của chị T để ký hợp đồng và làm việc tại Công ty TNHH Đ. Đây là hành vi vi phạm nguyên tắc trung thực khi giao kết hợp đồng và vi phạm quy định của Bộ luật Lao động. Chị H sử dụng hồ sơ tư pháp của chị T làm cho Công ty TNHH Đ hiểu sai lệch về chủ thể để xác lập hợp đồng lao động là hành vi lừa dối trong giao dịch dân sự. Căn cứ quy định tại các Điều 26, 27, 30 Bộ luật Lao động năm 1994, Điều 132 Bộ luật Dân sự năm 2005 thì hợp đồng lao động đứng tên chị Vũ Thị T1 (do chị Vũ Thị

H ký) với Công ty TNHH Đ vô hiệu toàn bộ. Vì vậy yêu cầu của chị T1 là có căn cứ và được chấp nhận.

[2.2] Đối với việc giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu: Mặc dù có sự lừa dối khi ký hợp đồng lao động nhưng thực tế chị H có làm việc tại Công ty TNHH Đ và được Công ty đóng bảo hiểm từ tháng 03/2008 đến hết tháng 10/2010 theo sổ bảo hiểm số 3009009887. Bảo hiểm xã hội cơ sở G xác định người lao động mang tên Vũ Thị T, sổ bảo hiểm số 3009009887 đã được thanh toán chế độ bảo hiểm 1 lần số tiền 4.210.920đồng, theo Quyết định số 080541/QĐ-BHXH ngày 18/10/2011. Chị H xác định chị là người nhận và sử dụng số tiền nêu trên nên sẽ có trách nhiệm hoàn trả lại Bảo hiểm xã hội theo quy định. Do đó buộc chị Vũ Thị H phải có trách nhiệm hoàn trả tiền đã hưởng bảo hiểm xã hội 1 lần nêu trên cho Bảo hiểm xã hội cơ sở G. Đối với số tiền bảo hiểm thoái thu trả, theo Bảo hiểm xã hội cơ sở C xác định là 1.876.815 đồng. Chị T, chị H đề nghị hoàn trả cho Công ty TNHH Đ. Vì vậy cần phải hoàn trả cho Công ty TNHH Đ số tiền 1.876.815đồng theo quy trình thoái thu của C.

[3] Về lệ phí: Người yêu cầu phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự theo quy định pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 367, 370, 371, 372, 401, 402 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 122, 132 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 26, 27, 30 Bộ luật Lao động năm 1994; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Chấp nhận yêu cầu của chị Vũ Thị T

1. Tuyên bố Hợp đồng lao động giữa chị Vũ Thị H ký với Công ty TNHH Đ dưới danh nghĩa tên người lao động là Vũ Thị T, sổ sổ bảo hiểm: 3009009887 vô hiệu toàn bộ.

2. Buộc chị Vũ Thị H phải hoàn trả cho Bảo hiểm xã hội cơ sở Gia Lộc tiền trợ cấp bảo hiểm xã hội 1 lần số tiền 4.210.920đồng đã nhận theo Quyết định số 080541/QĐ-BHXH ngày 18/10/2011, sổ sổ bảo hiểm 3009009887.

3. Hoàn trả Công ty TNHH Đ tổng số tiền bảo hiểm đã đóng cho chị Vũ Thị H1 (đứng tên Vũ Thị T) là 1.876.815 đồng (*Một triệu tám trăm bảy mươi sáu nghìn tám trăm mười lăm đồng*) theo quy trình thoái thu của C.

4. Chị Vũ Thị T phải chịu 300.000đ lệ phí giải quyết việc dân sự nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp 300.000đ theo biên lai ký hiệu:

BLTU/26E số 0002070 ngày 25/02/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị T đã thực hiện xong nghĩa vụ nộp lệ phí.

5. Người yêu cầu, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định này hoặc quyết định này được thông báo, niêm yết. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị quyết định theo quy định tại Điều 372 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 12 - Hải Phòng;
- THA DS thành phố Hải Phòng;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu Tòa.

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN HỢP
(Đã ký)

Đoàn Thị Thu Thúy